

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Số: 599/BC - TĐTĐ - P5

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ 1 - NĂM 2023**

Yên Bái, ngày 20 tháng 04 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/03/2023	01/01/2023
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		436.948.434.183	370.359.062.235
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	45.788.294.283	109.112.407.311
111	1. Tiền		23.788.294.283	79.112.407.311
112	2. Các khoản tương đương tiền		22.000.000.000	30.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	72.000.000.000	95.500.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		72.000.000.000	95.500.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		312.599.337.125	157.022.463.066
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		240.689.013.043	136.826.747.355
132	2. Trả trước cho người bán		50.670.627.873	352.500.000
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		15.000.000.000	17.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	5	7.535.719.157	4.476.557.709
139	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.296.022.948)	(1.633.341.998)
140	IV. Hàng tồn kho	6	4.586.083.519	4.071.441.749
141	1. Hàng tồn kho		4.586.083.519	4.071.441.749
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.974.719.256	4.652.750.109
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	-
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		825.261.513	4.652.750.109
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	7	1.149.457.743	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.199.967.182.590	1.224.144.606.926
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
215	1. Phải thu dài hạn khác		-	-
220	II. Tài sản cố định		916.483.074.525	936.602.839.964
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	900.043.875.701	919.952.702.833
222	- Nguyên giá		2.575.632.618.257	2.575.632.618.257
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.675.588.742.556)	(1.655.679.915.424)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	16.439.198.824	16.650.137.131
228	- Nguyên giá		22.445.322.400	22.445.322.400
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(6.006.123.576)	(5.795.185.269)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		6.558.456.654	5.982.088.847
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	6.558.456.654	5.982.088.847
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		165.612.530.652	165.411.939.388
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		84.443.530.652	84.242.939.388
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		81.169.000.000	81.169.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		111.313.120.759	116.147.738.727
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		3.435.243.117	4.173.232.820
269	2. Lợi thế thương mại		107.877.877.642	111.974.505.907
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.636.915.616.773	1.594.503.669.161



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2023

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/03/2023	01/01/2023
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		303.706.125.590	220.194.724.418
310	I. Nợ ngắn hạn		213.706.125.590	115.194.724.418
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		1.343.243.426	5.777.719.983
312	2. Người mua trả tiền trước		145.276.670	432.475.059
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	24.431.708.753	27.300.206.576
314	4. Phải trả người lao động		3.945.899.654	11.723.853.359
315	5. Chi phí phải trả	12	1.743.844.950	1.953.844.950
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	13	118.357.491.857	7.571.049.047
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		60.000.000.000	60.000.000.000
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		3.738.660.280	435.575.444
324	9. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
330	II. Nợ dài hạn		90.000.000.000	105.000.000.000
331	1. Phải trả dài hạn người bán dài hạn		-	-
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		90.000.000.000	105.000.000.000
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.333.209.491.183	1.374.308.944.743
410	I. Vốn chủ sở hữu	14	1.333.209.491.183	1.374.308.944.743
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		635.000.000.000	635.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		635.000.000.000	635.000.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu		-	-
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
415	5. Cổ phiếu quỹ		-	-
416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		-	-
419	9. Quỹ hỗ trợ xấp xếp doanh nghiệp		-	-
420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		435.051.320.534	462.586.672.545
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		363.336.672.544	233.929.600.429
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		71.714.647.990	228.657.072.116
429	12. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		263.158.170.649	276.722.272.198
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.636.915.616.773	1.594.503.669.161

240.
IGT
PHÁ
Y DI
C I
H-T

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý I năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Quý I năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 1 năm 2023	Quý 1 năm 2022	Lũy kế đến 31/03/2023	Lũy kế đến 31/03/2022
			VND	VND	VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16	156.670.537.496	167.471.430.232	156.670.537.496	167.471.430.232
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-	-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		156.670.537.496	167.471.430.232	156.670.537.496	167.471.430.232
11	4. Giá vốn hàng bán	17	46.520.494.420	46.205.834.436	46.520.494.420	46.205.834.436
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		110.150.043.076	121.265.595.796	110.150.043.076	121.265.595.796
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18	2.150.887.906	1.376.859.260	2.150.887.906	1.376.859.260
22	7. Chi phí tài chính	19	2.701.232.877	4.950.892.052	2.701.232.877	4.950.892.052
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		2.701.232.877	4.950.892.052	2.701.232.877	4.950.892.052
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		200.591.264	(3.792.119)	200.591.264	(3.792.119)
25	9. Chi phí bán hàng		-	-	-	-
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp		12.805.023.348	12.062.980.821	12.805.023.348	12.062.980.821
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		96.995.266.021	105.624.790.064	96.995.266.021	105.624.790.064
31	12. Thu nhập khác	20	169.903.200	137.951.600	169.903.200	137.951.600
32	13 Chi phí khác	21	144.458.196	127.310.743	144.458.196	127.310.743
40	14 Lợi nhuận khác		25.445.004	10.640.857	25.445.004	10.640.857



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
 Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý 1 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý 1 năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 1 năm 2023	Quý 1 năm 2022	Lũy kế đến 31/03/2023	Lũy kế đến 31/03/2022
			VND	VND	VND	VND
50	15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		97.020.711.025	105.635.430.921	97.020.711.025	105.635.430.921
51	16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		17.752.142.274	17.247.598.376	17.752.142.274	17.247.598.376
52	17 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-	-	-
60	18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>79.268.568.751</u>	<u>88.387.832.545</u>	<u>79.268.568.751</u>	<u>88.387.832.545</u>
	19 Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ		71.714.647.990	73.785.954.216	71.714.647.990	73.785.954.216
	20 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		7.553.920.761	14.601.878.329	7.553.920.761	14.601.878.329
70	21 Lãi cơ bản trên cổ phiếu		1.129	1.162	1.129	1.162
71	22 Lãi suy giảm trên cổ phiếu		1.129	1.162	1.129	1.162

Người lập



Nguyễn Trung Hiếu

Kế Toán trưởng



Lê Hồng Minh

Yên Bái, Ngày 7 tháng 04 năm 2023

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Quyền

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Quý 1 năm 2023
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/03/2023 VND	31/03/2022 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		97.020.711.025	105.635.430.921
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		24.209.399.540	24.059.366.297
03	- Các khoản dự phòng		(337.319.050)	(520.000.000)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(2.150.887.906)	(1.376.859.260)
06	- Chi phí lãi vay		2.701.232.877	4.950.892.052
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		121.443.136.486	132.748.830.010
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(153.892.392.649)	(38.912.816.470)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(514.641.770)	(452.414.547)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		676.187.004	(1.908.371.549)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		737.989.703	481.352.021
14	- Tiền lãi vay đã trả		(2.911.232.877)	(5.257.453.251)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(18.255.062.942)	(9.551.321.449)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(696.915.164)	(1.333.984.164)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(53.412.932.209)	75.813.820.601
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(569.373.643)	(26.914.927)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(59.640.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		25.299.408.736	46.617.512.942
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.481.756.398	997.854.403
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		26.211.791.491	(12.051.547.582)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của công ty		-	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		-	-
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(15.000.000.000)	(11.000.000.000)
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(21.122.972.310)	(63.491.232.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(36.122.972.310)	(74.491.232.000)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Quý 1 năm 2023
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/03/2023	31/03/2022
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(63.324.113.028)	(10.728.958.981)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		109.112.407.311	94.607.135.889
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ		<u>45.788.294.283</u>	<u>83.878.176.908</u>



Nguyễn Trung Hiếu
Người lập



Lê Hồng Minh
Kế Toán trưởng




Nguyễn Văn Quyền
Tổng Giám đốc

Yên Bái, Ngày 20 tháng 04 năm 2023



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 1 năm 2023

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 5200240495 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 31 tháng 03 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 20 tháng 02 năm 2019.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 635.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 03 năm 2023 là 635.000.000.000 đồng; tương đương 63.500.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của công ty là năng lượng điện

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Sản xuất và kinh doanh điện năng;
- Quản lý, vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng, đại tu, cải tạo các công trình thủy công, công trình kiến trúc, các thiết bị của nhà máy thủy điện và trạm biến áp, thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị điện;
- Mua bán, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị;
- Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý đầu tư xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây lắp các công trình điện;
- Đầu tư các công trình nguồn và lưới điện;
- Bồi dưỡng, đào tạo về quản lý, vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện;
- Kinh doanh dịch vụ vận tải và du lịch.

1.4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của công ty là 12 tháng bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

1.5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Công ty có một chi nhánh hạch toán độc lập là Trung tâm dịch vụ kỹ thuật và Công ty sở hữu trực tiếp một công ty con, một công ty liên kết với thông tin cụ thể như sau:

- * Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà - Trung Tâm dịch vụ kỹ thuật
Địa chỉ: Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
- * Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum (Công ty con)
Địa chỉ: Thôn Bản Xèo 1, xã Bản Xèo, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai, Việt Nam
- * Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2 (Công ty liên kết)
Địa chỉ: Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái

1.6. Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31/03/2023 Công ty có một chi nhánh hạch toán độc lập là Trung tâm dịch vụ kỹ thuật và Công ty sở hữu trực tiếp 1 công ty con, một công ty liên kết với thông tin cụ thể như sau:

- Công ty con

Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở	Hoạt động chính trong năm
Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum	50,94%	50,94%	Thôn Bản Xèo 1, xã Bản Xèo, huyện Bát Xát, tỉnh Lào cai, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh điện năng

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
 Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý 1 năm 2023

- Công ty liên kết

Tên công ty	Cam kết góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở	Hoạt động chính trong năm
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2	49%	49%	Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái	Đầu tư Dự án Thủy điện Thác Bà 2

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là hình thức Nhật ký chung

2.3 . Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm báo cáo tài chính của Công ty (được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và chi nhánh) và công ty con cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán năm và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa Công ty và công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3240
 NGT
 PH
 Y Đ
 Á C
 NH.T

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn), tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5 . Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là các công ty mà trong đó Nhóm công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của nhà đầu tư. Thông thường nhóm công ty được coi là ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% đến dưới 50% quyền bỏ phiếu ở công ty nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư ban đầu được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của nhóm công ty trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của nhóm công ty trong Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của Công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với nhóm công ty trong trường hợp cần thiết.

2.6 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi căn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền

Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm và hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2.8 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến tài sản cố định thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 20 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	09 - 15 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
- Tài sản cố định khác	05 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất	50 năm

2.9 . Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ, Nhóm Công ty phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch; và

- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thực hiện thanh toán. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2.12 . Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được xác định căn cứ theo các hợp đồng mua bán điện được Công ty và Công ty con ký kết với Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các phụ lục hợp đồng có liên quan.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu từ cung cấp dịch vụ sẽ được ghi nhận dựa trên mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định dựa theo khối lượng dịch vụ đã được thực hiện.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

2002
CÔNG
ÔNG PH
UYỆ
IÁC
INH-T

2.13 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông

2.14 . Các khoản thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và

- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết khi doanh nghiệp có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và

- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

0493
Y
ÂN
IÊN
3Á
YÊN B

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

2.15 . Thông tin theo bộ phận

Đặc thù của Nhóm Công ty là hoạt động sản xuất kinh doanh điện chiếm trên 98% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Nhóm Công ty sản xuất ra hoặc do Nhóm Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Theo đó, Nhóm Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

2.16 . Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân được coi là liên quan.

3 . HỢP NHẤT KINH DOANH

Công ty Mường Hum là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5300526931 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp ngày 17 tháng 6 năm 2011 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi sau đó, với sửa đổi gần nhất là lần thứ 7 ngày 28 tháng 09 năm 2020. Công ty này có trụ sở chính tại thôn Bản Xèo 1, xã Bản Xèo, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai, Việt Nam. Hoạt động chính trong năm của công ty này là sản xuất và kinh doanh điện năng.
Công ty mua Công ty Mường Hum với mục đích phát triển mảng sản xuất và kinh doanh điện năng của Công ty.

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/03/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	389.321.767	453.237.209
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	23.398.972.516	78.659.170.102
Các khoản tương đương tiền (*)	22.000.000.000	30.000.000.000
	45.788.294.283	109.112.407.311

(*) Đây là các khoản tiền gửi bằng VNĐ đến ngày 31/03/2023 tại ngân hàng có kỳ hạn 1 tháng và hưởng lãi suất tương ứng 6%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý 1 năm 2023

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN

a	Chứng khoán kinh doanh	31/03/2023		01/01/2023	
		Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
b	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
b1	Ngắn hạn				
	- Tiền gửi có kỳ hạn (**)	72.000.000.000	72.000.000.000	95.500.000.000	95.500.000.000
	- Trái phiếu	-	-	-	-
	- Các khoản đầu tư khác	72.000.000.000	72.000.000.000	95.500.000.000	95.500.000.000
b2	Dài hạn				
	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (***)	81.169.000.000	81.169.000.000	81.169.000.000	81.169.000.000
	- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết(****)	84.443.530.652	84.443.530.652	84.242.939.388	84.242.939.388
		<u>165.612.530.652</u>	<u>165.612.530.652</u>	<u>165.411.939.388</u>	<u>165.411.939.388</u>

(**) Tiền gửi có kỳ hạn tại ngày 31 tháng 03 năm 2023 bao gồm các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn từ 5 tháng đến 9 tháng và hưởng lãi suất từ 6%/năm đến 8,6%/năm.

(***) Tại ngày 31/03/2023
- Công ty đang nắm giữ 3.000.000 cổ phần tương đương 0,6% vốn điều lệ của Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Hải Phòng.
- Công ty đang nắm giữ 200.000 cổ phần tương đương 5% vốn điều lệ của Công ty Cổ Phần Thủy điện Thái An.

(****) Tại ngày 31/03/2023
- Theo Nghị Quyết số 1452/NQ-TĐTB-HDQT ngày 07 tháng 08 năm 2020 HĐQT Công ty đã thông qua tỷ lệ góp vốn của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2 là 49% Vốn điều lệ. Đến ngày 31/03/2023 Công ty đã thực hiện góp vốn với giá trị là 84.242.939.388 đồng.
Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty liên kết đã được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trình bày như sau:

Đơn vị tính: VND
Công ty Cổ phần đầu tư Thủy điện Thác Bà 2

Giá trị đầu tư					
Số 01/01/2023			84.242.939.388		
- Tăng trong năm			-		
Lũy kế đến 31/03/2023			84.242.939.388		
Phần lũy kế lợi nhuận (lỗ) từ công ty liên kết			-		
Số 01/01/2023				200.591.264	
Lũy kế đến 31/03/2023					
Giá trị còn lại			84.242.939.388		
Số 01/01/2023				84.443.530.652	
Lũy kế đến 31/03/2023					
5 PHẢI THU KHÁC					
a Ngắn hạn		31/03/2023		01/01/2023	
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia		-	-	-	-
Phải thu về lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay		1.867.696.483	-	1.198.564.975	-
Phải thu người lao động		592.298.058	-	415.979.815	-
Ký quỹ, ký cược		97.155.477	-	97.155.477	-
Phải thu khác		4.978.569.139	-	2.764.857.442	-
		<u>7.535.719.157</u>		<u>4.476.557.709</u>	
b Dài hạn		-		-	

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tò dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý 1 năm 2023

6 . HÀNG TỒN KHO

	31/03/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	-	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	3.835.552.391	-	3.628.206.745	-
Công cụ, dụng cụ	363.189.698	-	228.926.046	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	387.341.430	-	214.308.958	-
	4.586.083.519		4.071.441.749	

7 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/03/2023	01/01/2023
	VND	VND
Thuế thu nhập cá nhân	1.149.457.743	-
Thuế Giá trị gia tăng	-	-
Thuế tài nguyên	-	-
Thuế Thu nhập Doanh nghiệp	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-
	1.149.457.743	

8 . TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

495
Y
B
T.Y.E

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
 Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý 1 năm 2023

8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2023	1.345.819.754.191	1.191.854.794.376	30.219.666.724	6.787.849.466	950.553.500	2.575.632.618.257
Mua sắm	-	-	-	-	-	-
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	-	-	-
Tặng do mua công ty con	-	-	-	-	-	-
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/03/2023	1.345.819.754.191	1.191.854.794.376	30.219.666.724	6.787.849.466	950.553.500	2.575.632.618.257
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2023	619.536.552.941	1.011.367.532.616	18.501.529.560	5.342.671.997	931.628.310	1.655.679.915.424
Trích khấu hao	10.112.614.127	9.175.290.930	465.585.816	146.164.602	2.177.493	19.901.832.968
Tặng khác	6.994.164					6.994.164
Tặng do mua công ty con						-
Thanh lý, nhượng bán						-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/03/2023	629.656.161.232	1.020.542.823.546	18.967.115.376	5.488.836.599	933.805.803	1.675.588.742.556
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2023	726.283.201.250	180.487.261.760	11.718.137.164	1.445.177.469	18.925.190	919.952.702.833
Tại ngày 31/03/2023	716.163.592.959	171.311.970.830	11.252.551.348	1.299.012.867	16.747.697	900.043.875.701

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý 1 năm 2023

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	TSCĐ vô hình khác	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2023	20.558.322.400	1.887.000.000	22.445.322.400
Mua sắm	-	-	-
Tăng do mua công ty con	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Tại ngày 31/03/2023	20.558.322.400	1.887.000.000	22.445.322.400
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2023	5.160.647.758	634.537.511	5.795.185.269
Trích khấu hao	102.788.304	108.150.003	210.938.307
Tăng do mua công ty con	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Tại ngày 31/03/2023	5.263.436.062	742.687.514	6.006.123.576
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2023	15.397.674.642	1.252.462.489	16.650.137.131
Tại ngày 31/03/2023	15.294.886.338	1.144.312.486	16.439.198.824

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi tiết số dư cuối năm bao gồm:

	31/03/2023	01/01/2023
	VND	VND
Dự án nâng cấp thiết bị tổ máy - NMTĐ Thác Bà	3.888.345.914	3.407.763.107
Dự án nâng cấp thiết bị điện - NMTĐ Thác Bà	241.972.148	241.972.148
Dự án nâng cấp thiết bị thông gió - NMTĐ Thác Bà	57.775.643	57.775.643
Dự án đầu tư thiết bị nâng hạ cánh phai xả tràn - NMTĐTB	127.777.778	127.777.778
Nâng cấp hệ thống quan trắc đập chính, đập tràn - NMTĐ Thác Bà	1.962.682.407	1.962.682.407
Nhà trực đập Bàn Xèo	279.902.764	184.117.764
	-	-
	6.558.456.654	5.982.088.847

11 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2023	Số phải nộp	Số đã thực nộp	31/03/2023
	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia	3.441.176.355	12.610.469.135	13.389.668.937	2.661.976.553
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	18.255.062.941	17.752.142.274	18.255.062.942	17.752.142.273
Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	-	1.644.203.256	-	1.644.203.256
Thuế Tài nguyên	3.193.403.891	11.842.260.200	12.662.277.420	2.373.386.671
Thuế Thu nhập cá nhân	2.410.563.389	(181.157.502)	3.349.249.296	(1.119.843.409)
Các loại thuế khác	-	487.582.807	487.582.807	-
	27.300.206.576	44.155.500.170	48.143.841.402	24.431.708.753

12 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/03/2023	01/01/2023
	VND	VND
a Ngắn hạn		
Chi phí lãi vay	1.657.344.950	1.867.344.950
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	-	-
Mua sắm Tài sản cố định	-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
 Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý 1 năm 2023

		86.500.000	86.500.000
		<u>1.743.844.950</u>	<u>1.953.844.950</u>
b	Dài hạn		
c	Lợi thế thương mại		Đơn vị tính: VND
			Công Ty Cổ Phần Thủy điện Mường Hum
	Nguyên giá:		111.974.505.907
	Tại ngày 01/01/2023		-
	- Tăng trong năm		111.974.505.907
	Lũy kế đến 31/03/2023		-
	Phân bổ lũy kế:		-
	Tại ngày 01/01/2023		4.096.628.265
	- Phân bổ trong năm		4.096.628.265
	Lũy kế đến 31/03/2023		-
	Giá trị còn lại		111.974.505.907
	Tại ngày 01/01/2023		107.877.877.642
	Lũy kế đến 31/03/2023		-
13	PHẢI TRẢ KHÁC		
a	Ngắn hạn	31/03/2023	01/01/2023
		VND	VND
	Kinh phí công đoàn, BHYT, BHTN, BHXH	142.449.200	10.388.900
	Phải trả cổ tức cho cổ đông	95.429.191.749	184.141.749
	Phí dịch vụ Môi Trường Rừng	4.561.744.968	4.598.590.860
	Phải trả, phải nộp khác	18.224.105.940	2.777.927.538
		<u>118.357.491.857</u>	<u>7.571.049.047</u>
b	Dài hạn		
c	Số nợ quá hạn chưa thanh toán		
14	VỐN CHỦ SỞ HỮU		
a)	Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu		

048
 T.Y.
 AN
 HIEU
 BA
 T.YE

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý 1 năm 2023

14 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2023	635.000.000.000	-	-	276.722.272.198	462.586.672.545	1.374.308.944.743
Tăng vốn	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	7.553.920.761	71.714.647.989	79.268.568.750
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-
Tăng do mua công ty con	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn	-	-	-	-	-	-
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	(4.000.000.000)	(4.000.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	(21.118.022.310)	(95.250.000.000)	(116.368.022.310)
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	-	-
Điều chỉnh khác (*)	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/03/2023	635.000.000.000,00	-	-	263.158.170.649	435.051.320.534	1.333.209.491.183



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
 Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý 1 năm 2023

b) Các quỹ công ty	<u>31/03/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
	<u>-</u>	<u>-</u>
15 . Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán	<u>31/03/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
Ngoại tệ các loại	194	194
- Đồng đô la Mỹ (USD)		
16 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ	<u>Quý 1 năm 2023</u>	<u>Lũy kế đến 31/03/2023</u>
	VND	VND
Doanh thu bán điện thương phẩm	154.064.438.121	154.064.438.121
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.606.099.375	2.606.099.375
	<u>156.670.537.496</u>	<u>156.670.537.496</u>
	-	-
17 GIÁ VỐN HÀNG BÁN	<u>Quý 1 năm 2023</u>	<u>Lũy kế đến 31/03/2023</u>
	VND	VND
Giá vốn của điện thương phẩm đã bán	45.353.547.881	45.353.547.881
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.166.946.539	1.166.946.539
Dự phòng/ hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
	<u>46.520.494.420</u>	<u>46.520.494.420</u>
	-	-
18 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	<u>Quý 1 năm 2023</u>	<u>Lũy kế đến 31/03/2023</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	2.150.887.906	2.150.887.906
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
	<u>2.150.887.906</u>	<u>2.150.887.906</u>
	-	-
19 CHI PHÍ TÀI CHÍNH	<u>Quý 1 năm 2023</u>	<u>Lũy kế đến 31/03/2023</u>
	VND	VND
Lãi tiền vay	2.701.232.877	2.701.232.877
	<u>2.701.232.877</u>	<u>2.701.232.877</u>
	-	-
20 . CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ	<u>Quý 1 năm 2023</u>	<u>Lũy kế đến 31/03/2023</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	791.559.193	791.559.193
Chi phí nhân công	10.788.071.815	10.788.071.815
Chi phí khấu hao	20.112.771.275	20.112.771.275
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.138.014.586	1.138.014.586
Chi phí khác	26.495.100.899	26.495.100.899
	<u>59.325.517.768</u>	<u>59.325.517.768</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
 Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý 1 năm 2023

21 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Quý 1 năm 2023	Lũy kế đến 31/03/2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	573.832.005	573.832.005
Chi phí nhân công	3.978.591.788	3.978.591.788
Chi phí khấu hao tài sản cố định	751.438.050	751.438.050
Chi phí dịch vụ mua ngoài	748.024.858	748.024.858
Chi phí khác bằng tiền	6.753.136.647	6.753.136.647
	12.805.023.348	12.805.023.348

22 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Quý 1 năm 2023	Lũy kế đến 31/03/2023
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	17.752.142.274	17.752.142.274
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	17.752.142.274	17.752.142.274

23 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Do đặc thù của Công ty là hoạt động sản xuất kinh doanh điện chiếm trên 98% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, Công ty không thực hiện lập và trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

24 . NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Mối quan hệ	Quý 1 năm 2023	Quý 1 năm 2022
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Doanh thu bán điện	Bên liên quan với cổ đông lớn	154.064.438.121	165.099.464.318
Công ty TNHH Năng lượng R.E.E	Cổ tức đã thanh toán	Công ty mẹ (từ ngày 16 tháng 11 năm 2020)	5.000.000.000	38.365.168.000
Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần	Cổ tức đã thanh toán	Cổ đông lớn	-	19.050.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2	Doanh thu cung cấp dịch vụ	Công ty liên kết	54.545.455	40.909.091
	Doanh thu khác	Công ty liên kết	60.000.000	54.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển điện	Doanh thu cung cấp dịch vụ	Công ty con của Công ty mẹ	-	-
Đông Dương	Doanh thu tài chính	Công ty con của	273.095.890	-

1048
 TY
 IAN
 IEN
 BA
 T.YE

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
 Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý 1 năm 2023

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán quý:

	Mối quan hệ	31/03/2023	01/01/2023
		VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng		235.384.478.344	132.262.505.556
Công ty mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Bên liên quan với cổ đông lớn	235.324.478.344	132.262.505.556
Công Ty Cổ phần Đầu Tư Thủy điện Thác Bà 2	Công ty liên kết	60.000.000	-
Công ty Cổ phần phát triển điện Đông Dương	Công ty con của Công ty mẹ	302.438.354	29.342.464

25 THÔNG TIN KHÁC

Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế Quý 1/2023 với Quý 1/2022 tại BCTC hợp nhất

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp Quý 1/2023 đạt 79.268.568.751 đồng

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp Quý 1/2022 đạt 88.387.832.545 đồng

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp Quý 1/2023 so với Quý 1/2022 của Báo cáo tài chính hợp nhất giảm 9.119.263.794 đồng là do các nguyên nhân sau:

1. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp Quý 1/2023 so với Quý 1/2022 trên BCTC riêng của Công ty tăng 26.970.873.357 đồng là do các nguyên nhân sau:

- Tổng doanh thu Quý 1/2023 so với cùng kỳ năm 2022 tăng 30.881.208.666 đồng là do Doanh thu hoạt động điện tăng 9.016.288.113 đồng so với cùng kỳ năm 2022. Nguyên nhân là do sản lượng điện thương phẩm trong Quý 1/2023 cao hơn so với cùng kỳ năm 2022 là 5,8 triệu kWh (tăng 5,5%) đồng thời Công ty thường xuyên cập nhật số liệu, tình hình thủy văn, bám sát diễn biến Thị trường điện để đưa ra chiến lược chào giá phù hợp tăng doanh thu từ Thị trường điện. Doanh thu hoạt động dịch vụ tăng 375.534.561 đồng (tăng 15,8%) so với cùng kỳ năm 2022 là do giá trị các hợp đồng dịch vụ được nghiệm thu trong Quý 1/2023 tăng hơn so với cùng kỳ năm 2022. Doanh thu Hoạt động tài chính tăng 21.457.434.392 đồng (tăng 605,9%) so với cùng kỳ năm 2022 do trong Quý 1/2023 Công ty phát sinh tăng doanh thu từ cổ tức được chia từ công ty con và các đơn vị nộp về. Doanh thu khác Quý 1/2023 tăng 31,9 triệu (tăng 17,5%) so với cùng kỳ năm 2022.

- Tổng chi phí Quý 1/2023 so với cùng kỳ năm 2022 tăng 2.649.669.893 đồng (tăng 7,3%) so với cùng kỳ năm 2022 chủ yếu do sản lượng Quý 1/2023 tăng so với cùng kỳ năm 2022 dẫn đến chi phí Thuế tài nguyên và phí dịch vụ môi trường rừng Quý 1/2023 tăng so với cùng kỳ năm 2022 và ảnh hưởng của một số chi phí thường xuyên khác.

- Thuế TNDN Quý 1/2023 so với cùng kỳ năm 2022 tăng 1.260.665.416 đồng (tăng 8%) so với cùng kỳ năm 2022. Chính sách thuế TNDN áp dụng cho công ty trong Quý 1/2023 không thay đổi so với cùng kỳ năm trước, thuế TNDN trong Quý 1/2023 tăng là do lợi nhuận trước thuế TNDN Quý 1/2023 tăng so với cùng kỳ năm 2022.

2. Lợi nhuận sau thuế Quý 1/2023 so với cùng kỳ năm 2022 của Báo cáo tài chính hợp nhất ảnh hưởng lớn bởi doanh thu, chi phí, Thuế TNDN, Lợi nhuận sau thuế TNDN Quý 1/2023 của công ty con vào Nhóm công ty, cụ thể như sau:

- Tổng doanh thu Quý 1/2023 so với cùng kỳ năm 2021 giảm 19,6 tỷ đồng (giảm 34,5%) so với cùng kỳ năm 2022. Nguyên nhân là do Quý 1/2023, tình hình thủy văn không thuận lợi so với Quý 1/2022, dẫn đến sản lượng điện thương phẩm trong Quý 1/2023 giảm so với cùng kỳ năm 2022 là 179,3 triệu kWh, dẫn đến doanh thu điện thương phẩm giảm 20,05 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2022. Doanh thu tài chính tăng do vốn lưu động bình quân tháng trong Quý 1/2023 cao hơn cùng kỳ năm 2022 dẫn đến lãi tiền gửi Có kỳ hạn Quý 1/2023 và lãi tiền cho vay tăng so với cùng kỳ năm 2022.

- Tổng chi phí Quý 1/2023 so với cùng kỳ năm 2022 giảm 4,54 tỷ đồng (giảm 17,7%) so với cùng kỳ năm 2022 chủ yếu do sản lượng điện thương phẩm giảm dẫn đến thuế tài nguyên và phí dịch vụ môi trường rừng giảm.

- Thuế TNDN Quý 1/2023 so với cùng kỳ năm 2022 giảm 756 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2022. Chính sách thuế TNDN áp dụng cho công ty con trong Quý 1/2023 không thay đổi so với cùng kỳ năm trước, thuế TNDN trong Quý 1/2023 giảm là do lợi nhuận trước thuế Quý 1/2023 giảm so với cùng kỳ năm 2022 làm giảm thuế TNDN Quý 1/2023 so với cùng kỳ năm 2022.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý 1 năm 2023



Nguyễn Trung Hiếu
Người lập



Lê Hồng Minh
Kế Toán trưởng



Nguyễn Văn Quyền
Tổng Giám đốc

Yên Bái, Ngày 10 tháng 04 năm 2023

